

Số: 97/2018/QĐST - HNGĐ

N, ngày 10 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 8 P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng -
Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Hữu V - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 8 P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12
Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Hữu V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Hữu V.

- Về con: Chị N và anh V có 02 con chung Phạm Hoàng L, sinh ngày 01/02/2012 và Phạm Hoàng G, sinh ngày 17/02/2013. Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

đưỡng Phạm Hoàng G, anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Phạm Hoàng L. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị N và anh V có tài sản chung gồm:

+ 01 Nhà xây 2 tầng trị giá là 151.156.000đ.

+ 265m² đất (gồm 50m² đất ở và 215m² đất trồng cây hàng năm) trị giá là 20.900.000đ, tại thửa đất số 586, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 894482 do Ủy ban nhân dân huyện Nông Cống cấp ngày 20/9/2016 mang tên Phạm Hữu V và Nguyễn Thị N.

Anh V được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và sở hữu toàn bộ ngôi nhà nhưng anh V phải giao lại cho chị N 75.578.000đ tiền chênh lệch tài sản (nhà ở). Chị N không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án đã ra quyết định thi hành án nếu người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về công nợ chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N và anh V thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu: HS, VP, Ha (12).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Tình